NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN LUẬT TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

ENHANCING THE QUALITY OF EDUCATION ON HUMAN RIGHTS EDUCATION FOR NON-LAW STUDENTS IN HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS IN VIET NAM TODAY

Phạm Thị Thúy[1], Đoàn Văn Đại[2]

[1]Khoa Lý luận chính trị và Pháp luật, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

[2]Phòng Thanh tra Pháp chế, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp

Đến tòa soạn ngày 20/09/2024, chấp nhận đăng ngày 18/10/2024

Tóm tắt: Giáo dục quyền con người đối với thế hệ trẻ là học sinh, sinh viên đã được Đảng và Nhà nước quan tâm, đưa chương trình giáo dục quyền con người vào nội dung giảng dạy chính khóa trong các cơ sở giáo dục. Tuy nhiên kết quả giáo dục quyền con người trong nhà trường còn hạn chế; đội ngũ giảng viên thiếu hụt, chương trình giảng dạy thiếu thống nhất, phương pháp giáo dục chưa phù hợp... do đó cần phải có những giải pháp khoa học khắc phục được những hạn chế nêu trên, nâng cao chất lượng, kết quả giáo dục quyền con người trong các nhà trường trong thời gian tới.

Từ khóa: Giáo dục quyền con người, quyền con người, sinh viên không chuyên luật.

Abstract: Education on human rights for the younger generation, including students, has received attention from the Party and the State, with the integration of human rights education into the core curriculum in educational institutions. However, the results of human rights education in schools remain limited; there is a shortage of instructors, the curriculum lacks consistency, and the educational methods are not suitable. Therefore, it is necessary to implement scientific solutions to address these limitations and improve the quality and outcomes of human rights education in schools in the near future.

Keywords: Human rights education, human rights, non-law students.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Quyền con người là những quyền tự nhiên, vốn có và khách quan của con người được ghi nhận và bảo vệ trong pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế. Ở Việt Nam, quyền con người lần đầu tiên được ghi nhận, khẳng định chính thức và trịnh trọng trong Tuyên ngôn độc lập do Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc trong ngày khai sinh nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa (ngày 02/9/1945) "Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hóa cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc"

Cùng với việc ghi nhận quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong các bản Hiến pháp năm 1946, 1959, 1980, 1992, Việt Nam đã tham gia hầu hết các Công ước quốc tế cơ bản về quyền con người: Công ước về các Quyền Dân sự và Chính trị 1966 (ICCPR), gia nhập ngày 24/9/1982; Công ước về các Quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa 1966, gia nhập ngày 24/9/1982; Công ước về

Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ 1979, ký kết ngày 29/7/1980, phê chuẩn ngày 17/02/1982; Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc 1969, gia nhập ngày 09/6/1982; Công ước về Quyền Trẻ em 1989, ký kết ngày 26/1/1990, phê chuẩn ngày 28/2/1990 và hai Nghị định thư bổ sung về trẻ em trong xung đột vũ trang (ký kết ngày 08/9/2000, phê chuẩn ngày 20/12/2001) và chống sử dụng trẻ em trong các hoạt động mại dâm và tranh ảnh khiêu dâm (ký kết ngày 08/9/2000, phê chuẩn ngày 20/12/2001); Công ước về Quyền của Người khuyết tật 2006, ký ngày 22/11/2007 và phê chuẩn ngày 5/2/2015; Công ước Chống tra tấn và các hình thức đối xử hoặc trừng phạt tàn bạo, vô nhân đạo hoặc hạ nhục con người, ký ngày 07/11/2013 và phê chuẩn ngày 5/2/2015 và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, to lớn, góp phần xây dựng nhà nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa "dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh", đóng góp vào cuộc đấu tranh chung vì mục tiêu hòa bình và tiến bộ xã hội của toàn nhân loại. Tiếp tục kế thừa và phát triển những quy định của các bản Hiến pháp trước đây về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, Hiến pháp năm 2013 đã có những đổi mới căn bản, quan trọng cả về cơ cấu, bố cục, cách viết và nội dung liên quan đến quyền con người.

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quyền con người trong các tầng lớp nhân dân nói chung và cho sinh viên nói riêng là một nhiệm vụ hết sức quan trọng của cả hệ thống chính trị và của các cơ sở giáo dục nhằm đạt tới mục tiêu tạo sự chuyển biến trong nhận thức của người học về tầm quan trọng, ý nghĩa, ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm và các quyền tự do của người khác, góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của đất nước.

2. CƠ SỞ LÝ LUẬN GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN LUẬT TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

2.1. Khái niệm, nguồn gốc, bản chất và tính chất của quyền con người

2.1.1. Khái niệm

Văn phòng Cao ủy Liên hợp quốc về quyền con người (Office of High Commissioner for Human Rights – OHCHR) thường được trích dẫn bởi các nhà nghiên cứu. Theo định nghĩa này, *quyền con người là những bảo đảm pháp lý toàn cầu (universal legal guarantees) có tác dụng bảo vệ các cá nhân và các nhóm chống lại những hành động (actions) hoặc sự bỏ mặc (omissions) mà làm tổn hại đến nhân phẩm, những sự được phép (entitlements) và tự do cơ bản (fundamental freedoms) của con người [4]*.

Trên quan điểm các quyền tự nhiên thì quyền con người (Human rights, Droits de LHomme) là toàn bộ các quyền, tự do và đặc quyền được công nhận dành cho con người do tính chất nhân bản của nó, sinh ra từ bản chất con người chứ không phải được tạo ra bởi pháp luật hiện hành. Đây là những quyền tự nhiên, thiêng liêng và bất khả xâm phạm do đấng tạo hóa ban cho con người như quyền sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc, những quyền tối thiểu của con người mà bất kì chính phủ nào cũng phải bảo vệ.

Trung tâm nghiên cứu Quyền con người, tổ chức đầu tiên chuyên nghiên cứu về quyền con người ở Việt Nam (nay là Viện Nghiên cứu Quyền con người thuộc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh) đưa ra khái niệm quyền con người như sau: *Quyền con người là khả năng thực hiện các đặc quyền tự nhiên và*

khách quan của con người, với tư cách là con người và với tư cách là thành viên xã hội, được bảo đảm bằng hệ thống chính sách, pháp luật quốc gia và các thỏa thuận pháp lý quốc tế về các giá trị con người trong các quan hệ vật chất, văn hóa,tinh thần, các nhu cầu tự do và phát triển.

Như vậy, nhìn ở góc độ nào và ở cấp độ nào thì quyền con người cũng được xác định như là những chuẩn mực được quốc gia và cộng đồng quốc tế thừa nhận và tuân thủ. Những chuẩn mực này kết tinh những giá trị nhân văn của toàn nhân loại, chỉ áp dụng với con người, cho tất cả mọi người. Nhờ có những chuẩn mực này, mọi thành viên trong gia đình nhân loại mới có thể được bảo vệ nhân phẩm, giá trị con người và mới có điều kiện phát triển đầy đủ các năng lực của cá nhân với tư cách là một con người và do đó "Giáo dục quyền con người cho sinh viên là hoạt động có tính định hướng, có tổ chức của Nhà trường, nhằm hình thành ở họ tri thức về quyền con người; biết tự bảo vệ quyền của mình và tôn trọng quyền của người khác phù hợp với các yêu cầu, chuẩn mực pháp luật quốc tế, pháp luật quốc gia và tương lai tiến bộ của nhân loại về quyền con người",

2.1.2. Nguồn gốc

Về nguồn gốc của quyền con người, có hai trường phái cơ bản đưa ra hai quan điểm trái ngược nhau.

Những người theo học thuyết về quyền tự nhiên (natural rights) cho rằng quyền con người là những gì bẩm sinh, vốn có mà mọi cá nhân sinh ra đều được hưởng chỉ đơn giản bởi họ là thành viên của gia đình nhân loại. Các quyền con người, do đó, không phụ thuộc vào phong tục, tập quán, truyền thống văn hóa hay ý chí của bất cứ cá nhân, giai cấp, tầng lớp, tổ chức, cộng đồng nhà nước nào. Vì vậy, không một chủ thể nào, kể cả nhà nước, có thể ban phát hay tước bỏ các quyền con người bẩm sinh, vốn có của các cá nhân.

Hai học giả tiêu biểu cho học thuyết về quyền pháp lý có thể kể là Edmund Burke (1729-1797) và Jeremy Bentham (1748-1832). Edmund Burke, trong tác phẩm Suy nghĩ về Cách mạng Pháp (Reflections on the Revolution in France, 1770) và Jeremy Bentham, trong tác phẩm Phê phán học thuyết về các quyền tự nhiên, không thể tước bỏ (Critique of the Doctrine of Inalienable, Natural Rights, 1843) cùng cho rằng ý tưởng về các quyền tự nhiên là vô nghĩa (nonsense uponstilts) và chẳng có quyền nào lại không thể tước bỏ (inalienable).

Như vậy Quyền con người được hình thành từ hai nguồn gốc: Nguồn gốc tự nhiên và nguồn gốc xã hội. Xét về mặt lịch sử, quyền con người được nhận thức và được thúc đẩy do thực tiễn bị áp bức, bóc lột và bị tước đoạt về quyền trong các xã hội có giai cấp. Theo nghĩa này, quyền con người chỉ tồn tại trong xã hội có giai cấp và chỉ mất đi khi các giai cấp và điều kiện tồn tại giai cấp không còn; do đó, quyền con người là một phạm trù lịch sử. Theo nghĩa rộng, quyền con người bắt nguồn từ phẩm giá vốn có của con người. Chính phẩm giá con người làm nảy sinh những nhu cầu về quyền. Nhưng chỉ khi nào những nhu cầu về quyền này được xã hội thừa nhận và bảo vệ mới trở thành quyền.Với cách hiểu này, quyền con người sẽ tồn tại mãi mãi, gắn liền với sự tồn tại của con người và phát triển cùng với tiến trình văn minh nhân loại.

2.1.3. Tính chất quyền con người

Theo nhận thức chung của cộng đồng quốc tế, quyền con người có các tính chất cơ bản, như: tính phổ biến, tính không thể tước bỏ, tính

không thể phân chia, tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau [5].

Tính phổ biến (universal): Tính phổ biến của nhân quyền thể hiện ở chỗ quyền con người là những gì bẩm sinh, vốn có của con người và được áp dụng bình đẳng cho tất cả mọi thành viên trong gia đình nhân loại, không có sự phân biệt đối xử vì bất cứ lý do gì, chẳng hạn như về chủng tộc, dân tộc, giới tính, tôn giáo, độ tuổi, thành phần xuất thân.

Tính không thể tước bỏ (inalienable): Tính không thể tước bỏ của nhân quyền thể hiện ở chỗ các quyền con người không thể bị tước đoạt hay hạn chế một cách tùy tiện bởi bất cứ chủ thể nào, kể cả các cơ quan và quan chức nhà nước. Ở đây, khía cạnh "tùy tiện" nói đến giới hạn của vấn đề. Nó cho thấy không phải lúc nào nhân quyền cũng "không thể bị tước bỏ". Trong một số trường hợp đặc biệt, chẳng hạn như khi một người phạm một tội ác thì có thể bị tước tự do theo pháp luật, thậm chí bị tước quyền sống.

Tính không thể phân chia (indivisible): Tính không thể phân chia của nhân quyền bắt nguồn từ nhận thức rằng các quyền con người đều có tầm quan trọng như nhau, nên về nguyên tắc không có quyền nào được coi là có giá trị cao hơn quyền nào. Việc tước bỏ hay hạn chế bất kỳ quyền con người nào đều tác động tiêu cực đến nhân phẩm, giá trị và sự phát triển của con người.

Tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau (interrelated, interdependent): Tính liên hệ và phụ thuộc lẫn nhau của nhân quyền thể hiện ở chỗ việc bảo đảm các quyền con người, toàn bộ hoặc một phần, nằm trong mối liên hệ phụ thuộc và tác động lẫn nhau. Sự vi phạm một quyền sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp gây ảnh hưởng tiêu cực đến việc bảo đảm các quyền khác. Ngược lại, tiến bộ trong việc bảo đảm một quyền sẽ trực tiếp hoặc gián tiếp tác động tích cực đến việc bảo đảm các quyền khác.

2.2. Nội dung cơ bản về giáo dục quyền con người

2.2.1. Quyền con người đươc quy định trong các Công ước quốc tế

Theo các lĩnh vực của đời sống nhân loại, quyền con người được phân thành hai nhóm chính: các quyền dân sự, chính trị và các quyền kinh tế, xã hội, văn hóa. Đây cũng là cách phân chia được sử dụng khi soạn thảo hai công ước quốc tế cơ bản về quyền con người của Liên hợp quốc năm 1966 (Công ước về các quyền chính trị, dân sự và Công ước về các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa). Tùy theo nhu cầu nghiên cứu, cũng có thể chia ra thành năm nhóm nhỏ hơn (gồm các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa), trong đó các quyền dân sự thông thường bao gồm quyền sống; quyền bất khả xâm phạm về thân thể, danh dự, nhân phẩm; quyền tự do đi lại; các quyền về tài sản...); các quyền chính trị bao gồm quyền bầu cử, quyền ứng cử, quyền tham gia quản lý xã hội...; các quyền kinh tế bao gồm quyền được hưởng mức sống thích đáng; quyền tự do kinh doanh; quyền lao động...; các quyền xã hội bao gồm quyền được hưởng an sinh xã hội...; và các quyền văn hoá bao gồm quyền được giáo dục, quyền được tham gia và hưởng thụ đời sống văn hoá...).

2.2.2. Quyền con người quy định trong Hiến pháp 2013

Theo Hiến pháp năm 2013, ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, các quyền con người, quyền công dân về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội được công nhận, tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm theo Hiến pháp và pháp luật [1].

"Mọi người có nghĩa vụ tôn trọng quyền của người khác.

Việc thực hiện quyền con người, quyền công dân không được xâm phạm lợi ích quốc gia, dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật. Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội.

Mọi người có quyền sống. Tính mạng con người được pháp luật bảo hộ. Không ai bị tước đoạt tính mạng trái luật.

Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về thân thể, được pháp luật bảo hộ về sức khoẻ, danh dự và nhân phẩm.

Mọi người có quyền hiến mô, bộ phận cơ thể người và hiến xác theo quy định của luật. Việc thử nghiệm y học, dược học, khoa học hay bất kỳ hình thức thử nghiệm.

Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình; có quyền bảo vệ danh dự, uy tín của mình.

Mọi người có quyền bí mật thư tín, điện thoại, điện tín và các hình thức trao đổi thông tin riêng tư khác.

Mọi người có quyền bất khả xâm phạm về chỗ ở"

3. KẾT QUẢ GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN LUẬT Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

3.1. Thành tựu trong công tác giáo dục quyền con người

Có nhiều cơ sở giáo dục đại học thành lập ra cơ quan, đơn vị nghiên cứu và tổ chức đào tạo, giáo dục quyền con người, như: Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Trường Đại học Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội, Trường Đại học Luật Hà Nội, Trường Đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh - Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Học viện Khoa học xã hội.

Trong chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo cho sinh viên không chuyên luật không có môn học riêng hoặc phần học riêng về quyền con người. Tuy nhiên, nội dung về quyền con người được lồng ghép trong nhiều môn học khác nhau, trong đó môn học pháp luật đại cương là môn chủ đạo; thông thường nội dung giáo dục quyền con người là một phần học có thời lượng rất ngắn (khoảng 30 phút) nằm trong nội dung Luật Hiến pháp. Chương 2 quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

Bên cạnh đó nhiều cơ sở giáo dục đại học căn cứ vào điều kiện cụ thể của mỗi năm học tổ chức cuộc thi tìm hiểu về pháp luật nói chung, về pháp luật quyền con người nói riêng; tuyên truyền giáo dục quyền con người trong các chương trình học tập chính trị đầu năm, đầu khóa học, thông qua đó nâng cao nhận thức của sinh viên về quyền con người.

3.2. Những hạn chế trong công tác giáo dục quyền con người

Mặc dù đã có những tiến triển trong hai thập kỷ qua song giáo dục nhân quyền ở Việt Nam vẫn chưa bắt kịp với xu hướng phát triển chung trên thế giới và chưa đáp ứng nhu cầu giáo dục nhân quyền ở trong nước. Những trở ngại chính trong giáo dục nhân quyền ở Việt Nam hiện nay liên quan đến các vấn đề cụ thể sau:

- Trình độ hạn chế và sự thiếu hụt giảng viên giáo dục quyền con người trong các cơ sở giáo dục đại học.
- Hầu hết các cơ sở giáo dục đại học đều không có môn học, phần học riêng về giáo dục quyền con người. Nội dung giáo dục

quyền con người còn phân tán ở nhiều môn học khác nhau và cũng chỉ là một phần nội dung rất nhỏ trong các môn học đó, không phải là một bài học về giáo dục quyền con người.

- Các cơ sở giáo dục đại học chưa có sự nhận thức thống nhất về giảng dạy quyền con người cho sinh viên không chuyên luật: Nội dung quyền con người được thiết kế ở đâu trong chương trình đào tạo chính khóa; thời gian thực hiện cụ thể thế nào; sử dụng phương pháp giảng dạy nào? kiểm tra đánh giá nhận thức của sinh viên về quyền con người ra sao?

- Sự thiếu hụt các nguồn tài liệu tham khảo về quyền con người.

- Sinh viên học tập quyền con người cũng chưa xác định được tầm quan trọng của việc giáo dục quyền con người, chưa chủ động, tích cực học tập, tự học để có được những kiến thức nhất định về quyền con người…

4. GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC QUYỀN CON NGƯỜI CHO SINH VIÊN KHÔNG CHUYÊN LUẬT TRONG CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

4.1. Quán triệt các văn bản chỉ đạo của Đảng, Chính phủ về công tác tuyên truyền, giáo dục quyền con người

Tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt các văn bản chỉ đạo của Đảng và Chính phủ về quyền con người và giáo dục quyền con người, đặc biệt triển khai thực hiện Quyết định 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào trong chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân [3]. Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân [2].

4.2. Hoàn thiện chương trình, giáo trình, sách giáo khoa có nội dung về quyền con người trong chương trình môn học pháp luật đại cương, đảm bảo được các nội dung sau

a) Khái niệm, nguồn gốc, bản chất và tính chất của quyền con người, quyền công dân;

b) Nội hàm của các quyền con người được quy định trong các công ước quốc tế mà Việt Nam đã tham gia và các công ước quốc tế khác;

c) Các quyền con người, quyền công dân trong Hiến pháp năm 2013 và các luật chuyên ngành;

d) Ý nghĩa, tầm quan trọng của việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân đối với quá trình xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa;

đ) Trách nhiệm, nghĩa vụ của các chủ thể (nhà nước, tổ chức, cá nhân) trong việc tôn trọng, bảo vệ, bảo đảm quyền con người, quyền công dân;

4.3. Đào tạo và bồi dưỡng kiến thức về quyền con người cho đội ngũ chuyên gia, cán bộ quản lý giáo dục và giảng viên

a) Cử cán bộ giảng dạy đi học tập, nghiên cứu ở các cơ sở đào tạo có uy tín trong nước và cơ sở đào tạo ở những nước có truyền thống, kinh nghiệm tốt về giảng dạy quyền con người;

b) Bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên giảng dạy trực tiếp các môn học về quyền con người hoặc các môn học có lồng ghép nội dung về quyền con người;

4.4. Tuyên truyền nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của giáo dục quyền con người

a) Biên soạn, xuất bản các tài liệu tham khảo

và phổ biến thông tin liên quan đến quyền con người dành cho cán bộ lãnh đạo, quản lý, giảng viên, nhân viên;

b) Tổ chức tập huấn, hội thảo và mở các khóa đào tạo theo các chủ đề cơ bản về quyền con người;

c) Thực hiện các hoạt động truyền thông và quảng bá liên quan đến chủ đề quyền con người, giáo dục quyền con người.

4.5. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị phục vụ giảng dạy quyền con người trong hệ thống giáo dục quốc dân

a) Xây dựng danh mục thiết bị và học liệu tối thiểu phục vụ giảng dạy quyền con người gồm các thiết bị, giáo trình, tài liệu hướng dẫn, tài liệu tham khảo phục vụ việc giảng dạy, học tập, nghiên cứu về quyền con người trong các nhà trường;

b) Xây dựng ngân hàng tư liệu giáo dục quyền con người tại thư viện của các trường đại học, bảo đảm phục vụ kịp thời việc nghiên cứu, học tập của cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên, sinh viên, học sinh;

c) Xây dựng trang web về giáo dục quyền con người phục vụ nhu cầu truy cập thông tin mạng của cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên và người học.

5. KẾT LUẬN

Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục quyền con người cho sinh viên không chuyên luật trong các cơ sở giáo dục đại học nhằm tạo sự chuyển biến trong nhận thức của người học, của đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục về tầm quan trọng, ý thức tự bảo vệ các quyền của bản thân, tôn trọng nhân phẩm, các quyền và tự do của người khác; ý thức về trách nhiệm, nghĩa vụ của công dân đối với nhà nước và xã hội, góp phần phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển bền vững của đất nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Hiến pháp Việt Nam 2013.

[2] Chỉ thị số 34/CT-TTg ngày 21/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường thực hiện Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

[3] Quyết định 1309/Q Đ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào trong chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.

[4] OHCHR, Freequently Asked Questions on a Human Rights-based Approach to Development Cooperation, New York and Geneva, pp.1 (2006).

[5] UN, Human Rights Training: A Manual on Human Rights Traning Methodology, New York và Geneva, (2000).

Thông tin liên hệ: **Phạm Thị Thúy**
Điện thoại: 0944.575.868 - Email: ptthuy@uneti.edu.vn
Khoa Lý luận chính trị và Pháp luật, Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp